

Bản án số: 15/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07/11/2019
“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Bình
2. Bà Hoàng Thị Hải

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 1, xã NH, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 1, xã NH, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2019, cùng các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu trong khoảng 3 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 1992, đến ngày 21/10/2002, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống chung, vợ chồng chị thường bất đồng về lời nói nên thường cãi nhau, nhưng sau đó tự bỏ qua cho nhau chung sống bình thường. Đến năm 2018, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do chị buôn bán cà phê, anh S không tin tưởng chị và ghen tuông, nghi ngờ chị bồ bịch trai gái mặc dù chị không có, nên đã cầm búa đồ và đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 02/2019, lại tiếp tục đuổi chị ra khỏi nhà và nói chị làm đơn ly hôn. Sau đó anh S thường xuyên đi uống rượu về kiếm chuyện với chị. Vợ chồng chị đã

nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không được, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 17/6/1994 và Lê Minh H, sinh này 26/8/2000.

Hiện nay, các con đã thành niên có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Á tìm hiểu 02 năm thì tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 1992, đến ngày 21/10/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Á có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh thấy chị Á có điện thoại với người đàn ông khác và vợ người đàn ông đó đã tới tận nhà tìm, vì buồn nên anh đã uống rượu nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng anh chị vẫn cãi nhau nên chị Á đã bỏ ra thuê nhà ở riêng. Nay chị Á làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh sẽ thay đổi để đảm bảo hạnh phúc gia đình, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Á có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 17/6/1994 và Lê Minh H, sinh này 26/8/2000.

Vì các con đã thành niên có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Anh và chị Á tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng nhưng vẫn vắng mặt không có

lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Á và anh Lê Minh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1992, đến ngày 21/10/2002 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Á và anh S đều xác nhận, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị Á cho rằng vợ chồng chị bất đồng trong lời nói, anh S không tin tưởng chị, sau đó thường xuyên uống rượu và ghen tuông vô cớ, anh S đã đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần, vì vậy chị đã ra ở riêng. Còn anh S cho rằng, do chị Á có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh thấy chị Á có điện thoại và vợ người đàn ông đó đã tới tận nhà tìm, vì buồn nên anh đã uống rượu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình có khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được.

Xét lời khai của chị Á phù hợp với lời khai của anh S và các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa chị Á và anh S là có thật, anh S mong muốn chị Á quay về đoàn tụ, nhưng chị Á vẫn khẳng định ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hòa giải để cho chị Á và anh S có thời gian suy nghĩ, tuy nhiên chị Á và anh S lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh S nhiều lần khuyên nhủ chị Á quay về, nhưng chị Á không quay về, vì bức tức anh đã đập phá đồ đạc, đốt xe máy... khiến mâu thuẫn giữa anh chị càng trở nên trầm trọng hơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Á và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nếu cho chị Á và anh S tiếp tục hôn nhân thì cũng sẽ không đem lại hạnh phúc cho đôi bên, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á.

Về con chung: Chị Á và anh S có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 17/6/1994 và Lê Minh H, sinh ngày 26/8/2000.

Hiện các con đã thành niên có thể tự lao động nuôi sống bản thân, chị Á và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chị Á và anh S tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì chị Nguyễn Thị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Á được ly hôn với anh Lê Minh S.

Về án phí : Buộc chị Nguyễn Thị Á phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây theo biên lai số 0002668 ngày 03 tháng 6 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Á đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã NH;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Hòa